TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-PT
Ngày: 29 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai Hoa, ông Bùi Thế Hưng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng) bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2025/QĐXX-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1994; địa chỉ: Số E T, KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc V, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E.TT1, KĐT H, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đoàn M - Văn phòng L2; địa chỉ: Số A X, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường H, thành phố Hải Phòng); có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng); có mặt ngày 28/7, có đơn đề nghị vắng mặt ngày 29/7/2025.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Ngô Quang Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, tổ Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang); có mặt.

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho bị đơn: Luật sư Lưu Bình D - Văn phòng L3; địa chỉ: Số A, Ngõ E, đường X, Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên); có mặt ngày 28/7, có đơn đề nghị vắng mặt ngày 29/7/2025.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị H

Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Chị L và chị H có quan hệ họ hàng xa. Từ tháng 02/2022, chị L đã vay tiền của chị H nhiều lần. Khi chị L cần tiền thì liên hệ hỏi chị H, có thống nhất bằng lời nói về lãi suất và thời gian thanh toán đối với từng khoản vay, đến hạn thì chị L chuyển trả cả gốc và lãi, nếu có nhu cầu vay tiếp thì chị H lại chuyển cho vay tiếp. Khoản vay nào đến hạn mà chưa thanh toán được thì chị H cộng dồn lãi lên gốc tính thành khoản vay mới và yêu cầu chị L trả lãi cho khoản vay đó. Việc cho vay và trả tiền vay đều thực hiện bằng chuyển khoản, nội dung chị H chuyển tiền cho chị L đều ghi "L mượn", "cháu L mượn". Sau khi rà soát lại sao kê tài khoản, chị L xác định: Từ ngày 24/02/2022 đến 08/6/2023 chị H chuyển cho chị L vay 295 lần tổng số tiền là 183.505.301.464đ. Từ ngày 28/02/2022 đến 25/8/2023 chị L chuyển trả chị H 316 lần tổng số tiền là 195.286.639.990đ. Như vậy chị L đã chuyển dư cho chị H 11.781.338.526đ. Tính theo lãi suất ngân hàng các khoản vay tính từ ngày 24/02/2022 đến tháng 7/2023 là 2.143.265.550đ. Tuy nhiên chị H vẫn yêu cầu chị L phải trả thêm số tiền lãi là 22.300.000.000đ mà không đưa ra cơ sở nào. Chị L đã yêu cầu chị H đối chiếu và xem xét lại lãi suất nhưng chị H không đồng ý. Chị L khởi kiện đề nghị Tòa án: Xác định khoản lãi chị L phải trả cho chị H theo quy định của pháp luật; xác định chị L còn dư nợ với chị H và phải trả tiếp cho chị H không để chị L có trách nhiệm thanh toán. Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và trình bày làm rõ yêu cầu khởi kiện ngày 10/3/2025 chị L xác định từ trước đến nay chị L và chị H không hợp tác đầu tư, kinh doanh, góp tiền cho vay chung mà chỉ có quan hệ duy nhất là chị H cho chị L vay tiền nhiều lần, trong khoảng thời gian dài với lãi suất cao và sau đó chị L đã trả chị Hằng số tiền lớn hơn so với số tiền chị H cho vay, cụ thể: Từ ngày 24/02/2022 đến ngày 08/6/2023 chị H đã chuyển cho chị L nhiều lần với tổng số tiền là 183.505.301.465đ. Từ ngày 28/02/2022 đến ngày 19/7/2023 chị L đã chuyển trả chị H nhiều lần với tổng số tiền là 187.286.639.990đ, ngày 09/8/2023 trả tiếp số tiền 200.000.000đ, ngày 11/8/2023 trả số tiền 1.000.000.000đ, ngày 25/8/2023 trả số tiền 6.000.000.000đ. Tổng cộng là 192.486.639.990đ. Hiện số tiền chị L chuyển cho chị H đang cao hơn là 8.981.338.526đ. Chị H đưa ra các thông tin không đúng sự thật, tố cáo đến cơ quan công an việc chị L còn nợ hơn 15 tỷ đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Chị L đề nghị Tòa án xác định toàn bộ số tiền chị H chuyển cho chị L vay và số tiền chị L trả chị H thông qua ngân hàng đều là số tiền gốc, số tiền từng lần gửi được tính mức lãi cao nhất theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Đối trừ tổng số tiền gốc mỗi bên chuyển cho nhau cộng với số tiền lãi từ ngày chuyển đến ngày 28/02/2025 giữa vay và trả,

nếu bên nào thực hiện quá nghĩa vụ thì phải hoàn lại cho nhau.

2. Bị đơn và người đại diện trình bày: Chị H với chị L có thỏa thuận với nhau về việc hợp tác cùng đầu tư tài chính để chị L cho vay lại lấy lãi, chị H là người bỏ tiền vốn, chị L là người tìm kiếm khách hàng, sau khi thu tiền gốc và lãi về sẽ chia nhau theo thỏa thuận. Hai bên hoàn toàn không có quan hệ vay mượn tiền. Trong quá trình hợp tác đầu tư, chị H đã phát hiện chị L có hành vi đưa ra những thông tin giả mạo, sai sự thật để lừa dối chị H đầu tư tiền cho những khách hàng không có thật, chị H đã tin tưởng và đưa tiền cho chị L sau đó chị L đã lợi dụng lòng tin của chị H để chiếm đoạt tài sản, có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy chị H đã gửi đơn tố giác chị L đến cơ quan Công an tỉnh H. Chị H cho rằng việc Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng) thụ lý vụ lý vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của chị L là không có căn cứ, không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Vì vậy chị H có đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh và nhiều cơ quan khác nhưng đều chưa được giải quyết. Chị H được Tòa án cho xem bảng kê số tiền L nhận của chị H, số tiền L trả cho chị H nhưng chị không xem. Còn đối với các sao kê của ngân hàng là bản phô tô nên chị cũng không xem. Chị với chị L có việc chuyển tiền cho nhau để hợp tác đầu tư, làm ăn chia lợi nhuận với nhau, không thể hiện cho vay và tính lãi. Nếu chị L cho rằng đây là việc cho vay và tính lãi thì đưa ra chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận vay mượn cụ thể là lãi bao nhiêu. Chứng cứ nào chứng minh lãi suất và đã trả lãi thế nào. Chị H chỉ trình bày xác định giữa chị và chị L có quan hệ đầu tư làm ăn không trình bày cụ thể nội dung. Việc chị H chuyển và nhận tiền với chị L là có thật. Chị H khẳng định đây là hành vi chị L lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị chứ không phải hành vi vay mượn. Chị H không có trách nhiệm giao nộp tài liệu gì cho Tòa án vì chị và chị L không tranh chấp nhau về việc vay tiền mà đây là hành vi chị L đưa ra thông tin giả để hợp tác rồi chiếm đoạt tiền của chị. Chị H không khai báo và cung cấp thêm bất kỳ chứng cứ nào vì chị không tranh chấp gì với chị L. Chị H yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì chị L khởi kiện không rõ yêu cầu và không chứng minh được tranh chấp của chị và chị L là bao nhiêu tiền; tranh chấp ở chứng cứ nào.

Theo Phiếu chuyển đơn ngày 27/02/2024 và ngày 15/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương và Công an tỉnh H, kèm theo đơn tố giác tội phạm đề ngày 19/02/2024 của chị Nguyễn Thị H thể hiện: Chị H với chị L có quan hệ họ hàng; đầu năm 2022, L có bảo chị H có tiền nhàn rỗi đưa cho L cùng dùng cho khách hàng vay đáo hạn ngân hàng trong một số hôm rồi chuyển lại và lấy lãi tối đa cho vay đáo hạn không quá một tuần; tiền gốc do chị H có tiền chi ra hoặc huy động đưa thông qua chị L để chị L cho đối tượng cần vay đáo hạn; sau khi thu gốc và lãi về trừ đi chi phí phát sinh, lãi hai bên chia đôi. Quá trình chuyển tiền cùng L để cho vay đáo hạn chỉ thỏa thuận miệng, không ghi văn bản thống nhất nhưng thông qua ba phương thức là gặp gỡ trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại và nhắn tin trao đổi qua Z. Bắt đầu từ tháng 03/2022 chị H chuyển tiền cho L để L cho vay đáo hạn và chia lãi như trên, việc này diễn ra bình thường đã thanh toán nhau sòng phẳng từng đợt qua các số tài khoản mang tên chị H gồm 46110000437927 tại

(B), số 9906071987 tại (MB), số 030075451187 tại (S1), số 0341007021223 tại (V2), số 2311555596666 tại (A) và tên Hoàng Thị L1 số 2311205292584 tại (A); còn của L là số 46110000411958 tại (B) và số 2311888858888 tại (A). Đến tháng 3/2023 chị H thông báo với chị L nghỉ không thực hiện nữa do huy động tiền khó nhưng chị Linh động V1 nên chị H lại đồng ý tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận và phương thức cũ nhưng tính đến tháng 8/2023 số dư quá hạn là 22.300.000.000đ nên chị H không chuyển cho chị L nữa và chính thức bắt đầu đòi nợ. Sau đó L và gia đình đã trả được 7.200.000.000đ, hiện còn nợ 15.100.000.000đ. Do L đưa ra các thông tin khách hàng vay không có thật để chiếm đoạt tiền của chị H nên chị đề nghị cơ quan CSĐT yêu cầu chị L giải trình và chứng minh về 15 thông tin khoản vay: ngày 02/3/2023, 03/3/2023, 06/3/2023, 07/3/2023, 13/3/2023, 14/3/2023, 15/3/2023, 06/6/2023. Xem xét khởi tố điều tra vụ án hình sự và thu hồi tiền bị chiếm đoạt cho chị.

3. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng) quyết định:

- Xác định chị Nguyễn Thị H từ ngày 24/02/2022 đã chuyển cho chị Nguyễn Thị Ngọc L vay tính đến ngày 08/6/2023 là 295 lần với số tiền là 183.505.301.465đ; số tiền chị Nguyễn Thị Ngọc L chuyển trả cho chị Nguyễn Thị H là 192.486.639.990đ;

- Từ ngày 24/02/2022 tính đến ngày xét xử 08/5/2025 các khoản tiền hai bên chuyển cho nhau đều phát sinh lãi và tính mức lãi 20%/năm từ ngày giao dịch. Đối trừ số tiền gốc chị H nhận cao hơn là 8.981.338.525đ, số tiền lãi phải chịu cao hơn là 1.279.981.698đ, tổng là 10.261.320.222đ.

- Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền tính đến ngày xét xử 08/5/2025 là 10.261.320.222đ

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

4. Ngày 27/5/2025, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị H xuất trình vi bằng thể hiện tin nhắn trên ứng dụng zalo để xác định quan hệ giữa chị L và chị H là hợp tác đầu tư tài chính. Chị H xác định khi có khách hàng có nhu cầu vay vốn thì chị L trực tiếp làm việc với khách hàng để thỏa thuận và báo chị H chuyển tiền cho chị L; việc chị L sử dụng vào việc gì do chị L quyết định và chị L luôn luôn phải trả khoản lợi nhuận cho chị H. Trường hợp việc sử dụng tiền do chị L nhận của chị H có thất thoát thì chị L phải tự chịu trách nhiệm. Chị H chưa bao giờ gặp khách hàng làm ăn cùng chị L. Một số khoản tiền chị L nhận từ tài khoản của bà Hoàng Thị L1 (là mẹ chồng chị H) đều do chị H

nhờ bà L1 chuyển cho chị L, tiền đó là tiền của chị H hoặc tiền chị H vay của bà L1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện chỉ thể hiện những lần chuyển khoản giữa hai bên mà không ấn định thời gian trả, sau khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án đến ngày 28/02/2025 hai bên vẫn chuyển tiền cho nhau, không có cơ sở xác định giữa hai bên phát sinh tranh chấp về lãi suất hay tổng số tiền vay. Bản thân chị L làm đơn khởi kiện nhưng lại yêu cầu Tòa án xác định giúp số dư nợ, khoản lãi phải trả mà Tòa án không hướng dẫn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện là vi phạm về điều kiện khởi kiện, thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết. Trong các sao kê tại ngân hàng thể hiện anh C chuyển khoản cho chị H, bà L1 chuyển cho chị L, số tiền này nằm trong tổng số tiền khoản vay và khoản tiền đã trả. Tuy nhiên, Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do vậy, đề nghị HĐXX hủy toàn bộ vụ án để đình chỉ vì không đủ điều kiện khởi kiện. Trường hợp không được chấp nhận thì đề nghị hủy toàn bộ vụ án để xem xét, giải quyết lại ở cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định đối với tài liệu mà phía bị đơn xuất trình thể hiện nội dung tại vi bằng để chứng minh quan hệ hợp tác hai bên là đầu tư tài chính là không có căn cứ bởi lẽ không rõ nội dung và không gắn với bất cứ món vay nào được xác định trên sao kê của ngân hàng mà chị L đã nộp. Do vậy có đủ cơ sở xác định bản chất giao dịch giữa chị Nguyễn Thị H với chị Nguyễn Thị Ngọc L là cho vay tiền và có lãi. Do hai bên không thống nhất/có tranh chấp với nhau về số tiền gốc và số tiền lãi trong giao dịch vay tiền nên chị L có đơn khởi kiện. Anh Đặng Đức C, bà Hoàng Thị L1 chỉ chuyển hộ bằng tài khoản, không liên quan giao dịch vay mượn giữa chị H và chị L. Trên cơ sở số tiền mà hai bên đã chuyển cho nhau và áp dụng mức lãi suất 20%/năm thì Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H phải trả lại tiền cho chị L là đúng quy định. Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị L1 có đơn gửi Tòa án xác định có nhiều khoản tiền chuyển từ tài khoản của bà L1 một số lần chuyển tiền cho chị L trong đó có lần chị H nhờ bà L1 chuyển tiền cho chị L sau đó chị H đã trả tiền mặt cho bà L1; có lần chị H mượn số tài khoản của bà L1 nhận tiền của người khác để chuyển cho chị L nên tài khoản của bà L1 không mất tiền; có lần bà L1 cho chị L vay tiền nhưng bà L1 không xác định được cụ thể lần nào là lần cho chị L vay.

Anh Đặng Đức C có đơn xác định có một số lần chị L nhờ chuyển tiền cho chị H nhưng đó là tiền chị L nhờ chuyển cho chị H, giữa anh C và chị H không có thỏa thuận giao dịch gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tính lãi đối với số tiền chị L chuyển trả chị H mà tính lãi đối với từng món

vay mà chị L vay của chị H. Xác định tổng số tiền gốc chị L nhận vay của chị H là 183.505.301.465đ; tổng số tiền lãi của từng món vay chị L phải trả là 1.340.423.439đ; cả gốc và lãi chị L phải trả chị H là 184.845.724.904đ. Đối trừ khoản tiền chị L đã trả chị H là 192.489.639.990đ, chị H phải trả lại chị L số tiền 7.640.915.086đ và khoản tiền lãi của số tiền này từ ngày chị L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là 1.575.938.735đ, tổng cộng chị H phải trả cho chị L số tiền 9.216.853.821đ. Về án phí: Buộc chị H phải chịu 117.216.853đ án phí dân sự sơ thẩm; chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, bị đơn và người đại diện không hợp tác, không trình bày ý kiến, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cố tình gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng làm cho quá trình giải quyết vụ án kéo dài.

Trong tổng số tiền chị L nhận của chị H có một số khoản được chuyển từ tài khoản của bà Hoàng Thị L1 (là mẹ chồng chị H). Tại đơn tố cáo chị L gửi Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa phúc thẩm, chị H đều xác định những lần chuyển tiền đó là do chị H nhờ bà L1 chuyển cho chị L, tiền chuyển cho chị L là tiền của chị H hoặc tiền chị H vay của bà L1; chị L đều xác định giữa bà L1 và chị L không có thỏa thuận giao dịch gì với nhau, chị L chỉ giao dịch với chị H; đơn trình bày của bà L1 gửi Tòa án cấp phúc thẩm cũng xác định có khoản chị H vay tiền của bà L1, có khoản chị H mượn tài khoản của bà L1 để chuyển tiền, có khoản bà L1 cho chị L vay nhưng không xác định được khoản nào, trong khi bà L1 xác định không có quan hệ, quen biết chị L. Mặt khác, trong các lần chuyển tiền từ tài khoản của bà L1 sang tài khoản của chị L đều không thể hiện nội dung bà L1 cho chị L vay tiền. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bà L1 không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này và không đưa bà L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Trường hợp giữa bà L1 và chị H có tranh chấp về số tiền chị H nhờ chuyển cho chị L sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Trong tổng số tiền chị H nhận của chị L có một số khoản được chuyển từ tài khoản của anh Đặng Đức C (là chồng của chị L), chị L và anh C đều xác định những lần chuyển tiền đó là do chị L nhờ anh C chuyển cho chị H; chị H và anh C đều xác định giữa chị H và anh C không có thỏa thuận giao dịch gì với nhau; chị H cũng xác định chỉ giao dịch với chị L. Do đó, anh C không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này. Trường hợp giữa anh C và chị L có tranh chấp về số tiền chị L nhờ chuyển cho chị H sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu Cấp sơ thẩm xác định bà L1 và anh C không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Kháng cáo và đề nghị của bị đơn về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung:

2.1. Từ ngày 24/02/2022 đến 08/6/2023, giữa chị L với chị H có việc chuyển tiền qua lại cho nhau thông qua tài khoản ngân hàng. Trong đó, chị H chuyển cho chị L 295 lần tổng số tiền là 183.505.301.464đ; chị L chuyển chị H 316 lần tổng số tiền là 195.286.639.990đ. Các lần chuyển tiền đều đã có sao kê tài khoản của ngân hàng. Đa số các lần chị H chuyển tiền cho chị L đều ghi nội dung "Nguyễn Thị H chuyển tiền cháu L mượn" hoặc "L mượn". Chị H xác định chị H chuyển tiền cho chị L do hai bên có thỏa thuận hợp tác làm ăn chung cho người khác vay đáo hạn ngân hàng hoặc đầu tư đất đai nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh nội dung thỏa thuận, quyền và nghĩa vụ của các bên, tỉ lệ góp vốn, tỉ lệ phân chia lợi nhuận cũng như xử lý vấn đề thua lỗ nếu có. Chị H cũng không cung cấp được chứng cứ cùng chị L gặp gỡ người vay tiền, cũng chưa bao giờ kiểm tra việc chị L sử dụng tiền do chị H chuyển để làm gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cũng xác nhận các lần chuyển tiền cho chị L thì chỉ biết chuyển tiền theo đề nghị của chị L, việc chị L sử dụng vào việc gì do chị L quyết định và chị L luôn luôn phải trả khoản lợi nhuận cho chị H. Trường hợp việc sử dụng tiền do chị L nhận của chị H có thất thoát thì chị L phải tự chịu trách nhiệm. Như vậy, có căn cứ xác định chị H chuyển tiền cho chị L, giao cho chị L quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt và chị L luôn phải trả khoản lãi cho chị H. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ nêu trên giữa chị H và chị L là quan hệ vay tài sản là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Kháng cáo của chị H về nội dung này không có căn cứ chấp nhận. Do xác định chị H cho chị L vay tiền có lãi nhưng không có căn cứ xác định mức lãi suất cụ thể, tại cấp sơ thẩm chị L tự nguyện đề nghị Tòa án xác định mức lãi suất vay là 20%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong quan hệ vay tiền, chị L là người vay, chị H là người cho vay, cấp sơ thẩm xác định chị H phải chịu lãi cả đối với các khoản tiền chị L chuyển trả chị H là không đúng nguyên tắc hợp đồng vay tài sản. Cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm theo hướng xác định từng lần chị H chuyển tiền cho chị L là những khoản chị L vay của chị H, chị L phải chịu lãi đối với các khoản tiền gốc đã nhận theo mức lãi suất 20%/năm; những lần chị L chuyển tiền cho chị H là tiền trả nợ, sau khi trừ vào tiền lãi của các khoản tiền còn nợ (mức 20%/năm) số tiền còn lại được trừ vào tiền gốc. Số tiền chị L chuyển trả thừa cần buộc chị H hoàn trả lại cho chị L (chi tiết theo phụ lục kèm theo bản án). Giữa chị L và chị H có tranh chấp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ từ hợp đồng vay tài sản. Hai bên không thống nhất được số tiền đã vay, đã trả, lãi suất chị L phải chịu nên chị L mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định quyền và nghĩa vụ của các bên. Khi xét xử, Tòa án mới xác định được chị L trả vượt quá nghĩa vụ của bên vay. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên về việc buộc chị H phải trả chị L khoản lãi đối với số tiền chị L trả vượt quá tính từ ngày chị L khởi kiện theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố là không có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp và chị H không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng) như sau:

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357, khoản 1 và 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Xác định từ ngày 24/02/2022 đến ngày 08/6/2023 chị Nguyễn Thị Ngọc L vay của chị Nguyễn Thị H 295 lần với tổng số tiền gốc là 183.505.301.465đ.

- Xác định chị Nguyễn Thị Ngọc L phải trả chị Nguyễn Thị Hằng S tiền lãi tính trên nợ gốc theo mức lãi suất 20%/năm cho từng lần nhận vay nợ, tổng là 1.340.423.439đ.

- Tổng gốc và lãi chị Nguyễn Thị Ngọc L phải trả chị Nguyễn Thị H là: 184.845.724.904đ

- Xác định chị Nguyễn Thị Ngọc L đã chuyển trả chị Nguyễn Thị H 316 lần tổng số tiền 192.486.639.990đ;

- Buộc chị Nguyễn Thị H phải hoàn trả chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 7.640.915.086đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 115.640.915đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003790 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Hải Phòng).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Hằng S tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002734 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Hải Phòng).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- TAND KV9-Hải Phòng;
- Phòng THADS KV9-Hải Phòng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Hữu Hiệu